

Điện Biên:

KẾT QUẢ 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

Trong giai đoạn 2003-2019, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã tổ chức 114.596 cuộc phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp cho hàng chục triệu lượt người; 888 cuộc thi thu hút 472.816 lượt người dự thi; phát hành 697.744 tài liệu PBGDPL; phát sóng các chương trình PBGDPL trên Đài truyền thanh xã 9.347 lần; đăng tải 23.206 tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng và thực hiện 2.027 chuyên mục PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đây là những kết quả được ghi nhận trong Báo cáo số 395-BC/TU ngày 16/8/2019 của Tỉnh ủy Điện Biên về tổng kết 15 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 19/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân”.

Thực hiện Kế hoạch số 98-KH/BCĐCT32 ngày 16/5/2019 của Ban chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”, Tỉnh ủy Điện Biên đã ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 10/6/2019 chỉ đạo các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự Đảng trực thuộc tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân” bằng các hoạt động thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Trên cơ sở đó, các cấp ủy đảng đã tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW tại đơn vị, địa phương và báo cáo kết quả thực hiện theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy. Kết quả tổng kết, đánh giá cho thấy từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể:

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cấp tỉnh đã ban hành 03 Nghị quyết, 04 Chỉ thị, 28 Quyết định, 23 Kế hoạch, 41 Công văn và 20 Chương trình, Đề án; các ngành, cấp huyện đã ban hành 1.020 văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW và công tác PBGDPL (trong đó: 62 Quyết định; 337 Kế hoạch; 81 Chương trình, đề án; 540 Công văn) để cụ thể hóa và chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW và công tác PBGDPL. Các cấp, các ngành đã tăng cường phối hợp ban hành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lĩnh vực quản



Hội nghị phổ biến pháp luật cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện.

lý của ngành; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Chỉ thị và các văn bản pháp luật liên quan đến công tác PBGDPL.

Tỉnh ủy đã tổ chức 01 hội nghị quán triệt Chỉ thị số 32-CT/TW; UBND tỉnh tổ chức 11 hội nghị phổ biến pháp luật cho hơn 2.500 lượt người; các ngành, chính quyền cơ sở đã tổ chức 313 hội nghị quán triệt Chỉ thị số 32-CT/TW và các kết luận của Trung ương, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản pháp luật cho hơn 42.451 lượt người tham dự.

Nhằm cụ thể hóa và triển khai các văn bản pháp luật về PBGDPL, HĐND tỉnh đã ban hành 03 Nghị quyết, UBND tỉnh đã ban hành 04 Quyết định, 04 Chỉ thị về công tác PBGDPL đã tạo bước chuyển mới trong việc hoàn thiện thể chế về công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai công tác PBGDPL một cách thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

Qua 15 năm thực hiện Chỉ thị, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện công tác PBGDPL gắn với thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, các Chương trình, Đề án PBGDPL theo giai đoạn (2003 - 2007, 2008 - 2012, 2013 - 2016, 2017 - 2021) với những nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL; đẩy mạnh các hoạt động PBGDPL nhất là PBGDPL cho các đối tượng đặc thù; đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL; triển khai thực hiện sâu rộng Ngày Pháp luật Việt Nam (09/11); huy động, thu hút mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá

nhân, doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa đối với công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

Về nguồn nhân lực: Bộ máy tổ chức cơ quan Tư pháp thường xuyên được củng cố, kiện toàn đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao (Sở Tư pháp gồm 07 phòng chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp với 66 biên chế; 10/10 Phòng Tư pháp cấp huyện với 33 biên chế, 238 công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã), 100% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ trung cấp, đại học luật. Các Sở, ngành tỉnh đã bố trí được 23 cán bộ, công chức kiêm nhiệm công tác pháp chế. Tính đến nay, toàn tỉnh có 105 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; 258 báo cáo viên pháp luật cấp huyện và 1.956 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã; toàn tỉnh hiện có 1.815 tổ hòa giải với 9.855 hòa giải viên.

Về nội dung: Các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã lựa chọn và tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân như: Hiến pháp; Bộ luật dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự; Bộ luật hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; Luật Công an nhân dân; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân;...

Về hình thức: Tổ chức hội nghị/lớp tập huấn phổ biến văn bản pháp luật mới; lồng ghép vào các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, tổ chức đoàn thể, hội nghị triển khai công tác; tổ chức hội thảo chuyên đề, tọa đàm, tuyên truyền pháp luật lưu động, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động (đã thực hiện được 17.497 vụ việc cho 29.248 lượt người được TGPL), xét xử lưu động (đã tiếp nhận và xét xử 23.096/24.299 vụ án các loại); biên soạn và cấp phát tài liệu hỏi đáp pháp luật, đề cương giới thiệu văn bản pháp luật; thi tìm hiểu pháp luật (tổ chức được 888 cuộc thi thu hút 472.816 lượt người dự thi); treo băng rôn khẩu hiệu, áp phích tuyên truyền pháp luật; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày pháp luật, thông qua các phương tiện thông tin truyền thông (đã phát sóng trên 11.000 tin bài; 2.102 chuyên mục PBGDPL trên hệ thống phát thanh – truyền hình)...

Nhờ có sự quan tâm, vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành nên trong thời gian qua, công tác PBGDPL đã được triển khai sâu rộng, thống nhất trên địa bàn tỉnh, kịp thời phổ biến hầu hết các văn bản Luật, văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức phù hợp đến từng nhóm đối tượng, địa bàn. Qua đó, từng bước nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật; hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài; góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

HOẠT ĐỘNG “TÍN DỤNG ĐEN” - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH, NGĂN CHẶN

Thiếu tướng Sùng A Hồng

Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên

Khi xã hội loài người phát triển đến một giai đoạn nhất định, nhất là chuyển từ nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa thì nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng cao, điều này đã làm xuất hiện quan hệ kinh tế vay - mượn theo nguyên tắc hoàn trả và có lãi suất phát sinh. Đó chính là những tiền đề ban đầu của hoạt động tín dụng. Theo thời gian, hoạt động này đã có bước phát triển mạnh, vượt ra ngoài lãnh thổ quốc gia, mang tính quốc tế, toàn cầu, có thể kể đến là Ngân hàng

Châu Á (ADB), Ngân hàng thế giới (WB)...

Bên cạnh hình thức tín dụng chính thống nêu trên, đã xuất hiện hoạt động cho vay không thể chấp, huy động vốn, kinh doanh tài chính, góp vốn, góp tài sản kinh doanh với lãi suất cao vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định (từ 100%/năm đến 300%/năm, thậm chí lên đến 700%/năm đối với khoản tiền ở thời điểm vay) được thực hiện bởi các cá nhân, nhóm người hoặc tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính, hoạt động này thường gắn với các hoạt động đòi nợ, chiếm



Tín dụng đen – mối hiểm họa đối với xã hội.

(PBGDPL sưu tầm)

đoạt tài sản trái pháp luật. Đây là hình thức tín dụng không có sự quản lý của Nhà nước, cho vay lãi nặng, vay bất hợp pháp, hay còn gọi là “tín dụng đen”.

Thời gian qua, tình trạng “tín dụng đen” ngày càng hoành hành và phát triển dưới mọi hình thức khác nhau, gây nhiều hệ lụy cho xã hội và bức xúc trong nhân dân. Tình trạng này bắt nguồn từ những nguyên nhân cơ bản sau:

(1) Xuất phát từ một bộ phận người dân, doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn chính đáng (*công chức, viên chức, công nhân, người lao động, người không có việc làm ổn định vay để chữa bệnh, đóng tiền học phí, đáo hạn ngân hàng, mở rộng sản xuất, kinh doanh...*) nhưng không có tài sản thế chấp hoặc không đáp ứng được điều kiện vay vốn tại các kênh cung cấp tín dụng chính thức đã tìm đến các cá nhân, cơ sở hoạt động “tín dụng đen” để vay tiền. Trong khi vay tiền tại các ngân hàng điều kiện cho vay chặt chẽ, yêu cầu nhiều giấy tờ chứng minh, thủ tục thẩm định lâu và thường phải có tài sản thế chấp nên người dân có tâm lý ngại đến ngân hàng, còn các gói vay của “tín dụng đen” lại vô cùng đa dạng, thủ tục nhanh gọn, đơn giản, không cần thế chấp. Ngoài ra, một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số do trình độ pháp luật hạn chế đã bị các đối tượng cho vay nặng lãi lợi dụng để cho vay với lãi suất cao nhằm chiếm đoạt tài sản.

(2) Một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu

niên xuống cấp về đạo đức, tham gia các hoạt động tệ nạn xã hội (cờ bạc, cá độ, ma túy...) hoặc do nhu cầu bất hợp pháp nên tìm đến các cá nhân, cơ sở hoạt động “tín dụng đen” để vay tiền.

(3) Do háms lợi, nhiều người đã sử dụng tiền nhàn rỗi để trực tiếp cho vay dưới dạng “tín dụng đen” hoặc tham gia với vai trò trung gian, huy động vốn, gây rủi ro rất lớn cho cả người cho vay và đi vay, dẫn đến tình trạng vỡ nợ, hụi, họ xảy ra ở nhiều địa phương.

(4) Quy định của pháp luật về xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” còn vướng mắc, khó khăn trong việc áp dụng, chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe.

Những kẻ cho vay “tín dụng đen” thường lợi dụng mạng viễn thông, internet, tờ rơi và núp bóng các doanh nghiệp có chức năng cho vay tài chính, dịch vụ đòi nợ, kinh doanh cầm đồ... nhằm tạo vỏ bọc đối phó cơ quan chức năng. Thủ đoạn cho vay thì rất tinh vi để trốn tránh quy định của pháp luật: Trên giấy tờ vay không ghi lãi suất, phương thức tính lãi mà tính phần trăm số tiền lãi phải trả hằng ngày (thường từ 1 nghìn đến 5 nghìn đồng/1 triệu đồng/1 ngày) hoặc ghi mức lãi suất thấp hơn so với thực tế cho vay. Khi đến hạn chưa trả được thì lại bị viết giấy nợ cả gốc và lãi (“lãi chồng lãi”), nhập lãi vào gốc tính kỳ hạn mới.

Hệ lụy của “tín dụng đen” thường kéo theo nhiều loại tội phạm về trật tự xã hội như giết người, cưỡng đoạt tài sản, cố ý gây

thương tích, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản... do chủ nợ thường thuê các băng, nhóm tội phạm, đối tượng có tiền án, tiền sự sử dụng vũ khí, hung khí nguy hiểm xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tổn hại về tinh thần của người đi vay để đe dọa đòi nợ. Theo thống kê của Bộ Công an, năm 2018, toàn quốc đã xảy ra hơn 2500 vụ việc liên quan đến “tín dụng đen”, trong đó 34 vụ là tội cho vay nặng lãi, còn lại là các vụ giết người, cưỡng đoạt tài sản, cố ý gây thương tích... Hoạt động “tín dụng đen” đã làm tan nát nhiều gia đình khi chỉ từ một khoản vay nhỏ nhưng bị tính lãi gấp nhiều lần khiến người vay không còn khả năng trả nợ; làm nảy sinh một lực lượng đòi nợ thuê bất hợp pháp theo kiểu xã hội đen, gây lo lắng, bức xúc trong nhân dân.

Trên địa bàn tỉnh Điện Biên, từ đầu năm 2017 đến tháng 5/2019, đã xảy ra 04 vụ liên quan hoạt động “tín dụng đen”, cơ quan Điều tra đã khởi tố 02 vụ, bắt 05 đối tượng về hành vi cưỡng đoạt tài sản, cho vay nặng lãi. Bên cạnh đó, qua rà soát, hiện nay trên địa bàn có 156 cơ sở cầm đồ và điểm hỗ trợ, tư vấn tài chính. Qua kiểm tra của các lực lượng chức năng đã phát hiện 12 cơ sở vi phạm, đã xử lý hành chính 02 cơ sở số tiền hơn 24 triệu đồng.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công an đã có nhiều chủ trương, giải pháp chỉ đạo đấu tranh, xử lý những vấn đề liên quan đến “tín dụng đen”, được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Bộ luật

Hình sự, Bộ luật Dân sự; Luật Các Tổ chức tín dụng...). Đặc biệt, ngày 25/4/2019, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 12/CT-TTg về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Qua đó cho thấy, Đảng, Nhà nước ta đã rất quan tâm đến loại hoạt động này. Tuy nhiên, để phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, cần phải có sự chung tay vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành và triển khai đồng bộ các giải pháp công tác. Trong đó cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về cho vay dân sự; về phương thức, thủ đoạn hoạt động và hậu quả, tác hại, mức độ nguy hiểm của “tín dụng đen”... nhằm thay đổi nhận thức của người dân, doanh nghiệp, xã hội đối với cho vay tiêu dùng, cần hạn chế tối đa việc vay tiền từ các tổ chức “tín dụng đen”. Đồng thời, nâng cao nhận thức pháp luật để người dân tự phòng tránh và tích cực tham gia tố giác tội phạm, hỗ trợ lực lượng Công an trong đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động “tín dụng đen”.

Hai là, đề nghị các ngân hàng đa dạng hóa các hoạt động cho vay, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận vốn lành mạnh, đẩy mạnh các sản phẩm cho vay phục vụ người dân, không cho “tín dụng đen” có “đất” hoạt động. Vừa qua, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai gói tín dụng

5.000 tỷ đồng cho người dân và triển khai giao dịch lưu động đến các xã; Ngân hàng chính sách xã hội triển khai chính sách không cần phải đảm bảo tiền vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số... là những giải pháp rất hiệu quả. Đồng thời, cần có tổ chức đứng ra huy động những nguồn vốn hợp pháp để hỗ trợ người nghèo vay với lãi suất thấp như các Quỹ tín dụng nhân dân hoặc Tổ chức tài chính vi mô.

Ba là, lực lượng Công an tiếp tục duy trì khí thế tiến công, trấn áp mạnh mẽ tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến “tín dụng đen” như hiện nay, kể cả trên không gian mạng. Trong đó, tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và làm nòng cốt trong các tổ công tác liên ngành tiếp tục kiểm tra hành chính các cơ sở cầm đồ, cho vay, kinh doanh tài chính, dịch vụ đòi nợ và các cơ sở kinh doanh khác có biểu hiện cho vay nặng lãi, đòi nợ thuê nhằm phát hiện tội phạm và vi phạm pháp luật; gắn đấu tranh, trấn áp tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” với đấu tranh, triệt xóa các đường dây đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức huy động vốn, tham gia hội, họ, biêu phường; triệt phá các băng nhóm tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm núp bóng doanh nghiệp để hoạt động...

Bốn là, đề nghị Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan có giải pháp khắc phục những bất cập của hành lang pháp lý

về hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến “tín dụng đen” như: Đối với quy định của Bộ luật Hình sự cần có hướng dẫn cụ thể hơn về dấu hiệu của các hành vi phạm tội để xử lý loại tội phạm này; nâng khung hình phạt đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và có hướng dẫn cụ thể về cách tính tiền thu lợi bất chính theo Điều 201... Chính sửa, bổ sung một số điều của Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, trong đó cần quy định cụ thể các hành vi cho vay với lãi suất vượt quá quy định tại Bộ luật Dân sự nhưng chưa đến mức xử lý hình sự; mở rộng phạm vi xử phạt đối với cả cho vay tiền có thế chấp tài sản và không thế chấp tài sản.

Năm là, cần có giải pháp hữu hiệu để cải thiện an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân nhằm hạn chế nguyên nhân gốc rễ dẫn đến hoạt động “tín dụng đen”, nhất là cải thiện về các dịch vụ y tế, bảo đảm mỗi người dân phải có bảo hiểm y tế; tiếp tục miễn, giảm học phí cho học sinh các cấp; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp... Từ đó hạn chế tác động xấu của “tín dụng đen”, góp phần ổn định xã hội.

“Tín dụng đen” làm cho xã hội bất ổn, gây lên nhiều hệ lụy xấu cho những ai vướng phải, từ đó kéo theo nhiều tệ nạn xã hội. Để đẩy lùi vấn đề gây nhức nhối này, một mình lực lượng Công an không làm được, mà phải có sự nỗ lực và vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành và trước hết là phải thay đổi được nhận thức của người dân./.

TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ ĐIỆN BIÊN

HAI MƯƠI NĂM ĐI CÙNG DÂN

Trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước tỉnh Lai Châu (nay là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên) được thành lập theo Quyết định số 61/1999/QĐ-UBND ngày 05/10/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Thời điểm thành lập, Trung tâm chỉ có 03 biên chế. Trong khi đó, công tác

trợ giúp pháp lý còn quá mới mẻ, điều kiện phát triển còn gặp nhiều khó khăn. Tương chừng việc triển khai đưa dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí đến với người dân sẽ còn là bài toán khó và là thách thức trong thời gian dài đối với tập thể Trung tâm. Nhưng với sự quyết tâm, đoàn kết, cố gắng của đội ngũ công chức, viên chức

làm công tác trợ giúp pháp lý tỉnh Điện Biên. Đến nay, trải qua 20 năm hình thành và phát triển, người dân đã thực sự biết đến quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí, biết được địa chỉ tin cậy bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình để góp phần bảo đảm công bằng, bình đẳng trước pháp luật của những người dân nghèo, người dân



Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho các bị can tại phiên tòa.

tộc thiểu số và người yếu thế trong xã hội.

Hình thành và hoạt động trên cơ sở Quyết định số 734/QĐ/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ Tướng chính phủ về việc thành lập hệ thống tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách. Năm 2006, bước tiến lịch sử trong hoạt động lập pháp trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý là Quốc hội đã thông qua Luật Trợ giúp pháp lý nhằm nâng tầm thể chế từ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Sự ra đời của Luật Trợ giúp pháp lý đã thể hiện nhất quán chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc giúp đỡ pháp luật, hỗ trợ về mặt pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân đặc biệt là các đối tượng “yếu thế” trong xã hội. Đó là mốc son rực rỡ đánh dấu bước chuyển về chất, đưa công tác trợ giúp pháp lý lên một tầm cao mới phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn đất nước và xu thế thời đại. Năm 2017, qua 10 năm triển khai và thi

hành Luật Trợ giúp pháp lý; Quốc hội đã thông qua Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 với việc mở rộng diện người được trợ giúp pháp lý, chú trọng vào chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý... đã nâng tầm hoạt động trợ giúp pháp lý lên một bước mới, khẳng định vai trò của trợ giúp pháp lý không thể thiếu, đặc biệt tại một tỉnh miền núi nghèo như Điện Biên với khoảng trên 80% dân số thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

Điện Biên là một tỉnh miền núi biên giới còn gặp nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí thấp, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế. Trong khi đó, nhận thức của một số cơ quan, tổ chức và chính quyền cơ sở chưa thực sự quan tâm về công tác trợ giúp pháp lý. Đứng trước những thách thức, khó khăn, tập thể Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu, đổi mới trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo. Công chức, viên chức và người lao động trong Trung

tâm luôn đoàn kết, tích cực học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khắc phục những khó khăn, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao là cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý đã giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến giáo dục pháp luật, giải quyết kịp thời các vướng mắc, tranh chấp pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật. Từ khi thành lập đến nay, Lãnh đạo Trung tâm qua các thời kỳ đã quan tâm, sát sao trong việc triển



Trợ giúp pháp lý cho người dân tại cơ sở.

khai công tác trợ giúp pháp lý tại cơ sở, đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng, chú trọng nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và nâng cao trình độ, trách nhiệm của đội ngũ những người thực hiện trợ giúp pháp lý. Qua đó, số lượng và chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý không ngừng được cải thiện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người được trợ giúp pháp lý.

Để ghi nhận công sức,

đóng góp của tập thể Trung tâm trợ giúp pháp lý nói chung và cá nhân của từng thành viên thuộc Trung tâm nói riêng. Trong hành trình đã qua, Trung tâm đã được ghi nhận qua các danh hiệu và nhiều hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,... Để đạt được những thành tích như trên, phải kể đến tập thể Lãnh đạo Trung tâm đã luôn sát sao, cố gắng để chèo lái con tàu trợ giúp pháp lý định

hướng, vượt khó để đạt được thành quả đáng ghi nhận như ngày hôm nay.

Chính sách trợ giúp pháp lý là chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước dành cho những người nghèo, “người yếu thế” và đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Vì vậy, trong 20 năm qua, Trung tâm đã thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí theo yêu cầu đối với 20.499 người dân tộc thiểu số, 2.186 người nghèo, 535 người có công với cách mạng, 365 trẻ

em, 22 người bị buộc tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, 04 người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo, 25 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là hộ nghèo, 17 người già, 18 người khuyết tật, 01 người nhiễm HIV, 230 người khác. Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm đã thụ lý và thực hiện 14.771 vụ việc (trong đó có 14.717 vụ, 54 việc) cho 23.902 lượt người có đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý. Trong đó, tham gia tố tụng là 2.603 vụ việc (2.902 vụ việc hình sự, 3.431 vụ việc dân sự, 2.855 vụ việc

đất đai, 579 vụ việc hành chính, 36 vụ việc lao động, 2.595 vụ việc ưu đãi chính sách, 2.356 vụ việc khác). Thực hiện tư vấn cho 11.862 vụ việc, tham gia tố tụng 2.603 vụ việc, đại diện ngoài tố tụng cho 45 vụ việc, hòa giải 170 vụ việc, khiếu nại 91 vụ việc.

Nhằm đẩy mạnh công tác trợ giúp pháp lý về cơ sở, để người dân thuận tiện trong việc tiếp cận với dịch vụ trợ giúp pháp lý cũng như chia sẻ, giải đáp kịp thời những vướng mắc của người dân trong đời sống

hàng ngày. Từ 2006 đến nay, Trung tâm đã tổ chức 376 đợt truyền thông, lưu động đến các huyện nghèo, xã nghèo trên địa bàn tỉnh. Tại các đợt lưu động đã thu hút hàng nghìn lượt người tham gia, thực hiện tiếp nhận, thụ lý và giải đáp pháp luật cho hàng nghìn người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có vướng mắc về pháp luật. Trong các hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động đã lồng ghép truyền thông về trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức sinh hoạt chuyên đề, giới



Tập huấn nghiệp vụ Trợ giúp pháp lý.

thiếu về các nội dung cơ bản của một số lĩnh vực pháp luật hiện hành theo yêu cầu của những người tham dự và phát hàng ngàn tờ gấp pháp luật đến tay những người tham dự để nâng cao nhận thức tuân thủ pháp luật, hạn chế vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Trong công tác phối hợp, Trung tâm cũng đã chủ động thực hiện hiệu quả vai trò là cơ quan tham mưu của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, tham mưu kiện toàn Hội đồng và tổ giúp việc cho Hội đồng, tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch công tác báo cáo, thống kê theo quy định; chuẩn bị nội dung, cơ sở vật chất cho Hội đồng tổ chức họp, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong hoạt động tố tụng. Chủ động phối hợp với các ngành thành viên để tổ chức tập huấn công tác phối hợp, tham mưu tập huấn nghiệp vụ cho thành viên của Hội đồng, tổ giúp việc Hội đồng, Thủ trưởng, phó Thủ trưởng

các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, Trung tâm thực hiện phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành trong toàn tỉnh để thực hiện các chương trình giải đáp pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông về trợ giúp pháp lý trên các phương tiện truyền thông, triển khai các hoạt động trợ giúp pháp lý hướng về cơ sở, đến các vùng sâu vùng xa, biên giới. Qua đó, góp phần đưa công tác trợ giúp pháp lý thực sự đến gần với người dân, đem lại hiệu quả trong việc tiếp cận với các quy định pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, Trung tâm luôn khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động trợ giúp pháp lý. Đặc biệt quan tâm, chú trọng huy động nguồn nhân lực là Luật sư để tham gia tố tụng, đến nay Trung tâm đã ký hợp đồng trợ giúp pháp lý với 10 Luật sư thực hiện TGPL. Như vậy, công tác trợ giúp pháp lý, đặc biệt là công tác tham gia tố tụng

trong thời gian qua đã góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý, hạn chế oan sai, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng và hỗ trợ tích cực cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Trong công tác bảo đảm nguồn lực, Trung tâm luôn xác định Trợ giúp viên pháp lý là lực lượng chủ chốt thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, những năm qua, Trung tâm đã tập trung đào tạo để viên chức Trung tâm đảm bảo chuyên môn, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Trung tâm luôn chú trọng xây dựng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng. Phát triển đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý thật sự trong sạch, trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động, cống hiến. Từ 1999 đến nay, Trung tâm đã cử 17 lượt viên chức tham gia khóa đào tạo Luật sư, tham mưu bổ nhiệm 09 Trợ giúp viên pháp lý, 02 lượt viên

chức tham gia khóa bồi dưỡng Trợ giúp viên pháp lý hạng II nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn. Tổ chức 48 lớp tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng trợ giúp pháp lý. Trong đó, có 25 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đối tượng là cán bộ chủ chốt cấp xã, 12 lớp phối hợp với các ngành tổ tụng tập huấn cho đội ngũ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, 10 lớp tập huấn cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên, cộng tác viên trợ giúp viên pháp lý, cán bộ chủ chốt các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và 01 Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện trợ giúp pháp

lý.

Nhìn lại chặng đường 20 năm đã đi qua, một chặng đường khá dài với nhiều chông gai, khó khăn và thử thách. Nhưng với sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh đã thực sự được người dân đón nhận và đạt được nhiều kết quả. Từng bước đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân, giảm thiểu những vi phạm pháp luật không đáng có xảy ra, đảm bảo tình hình an ninh – trật tự trên địa bàn. Chính sách trợ giúp pháp lý miễn

phí của Đảng và Nhà nước đã thực sự đem lại ý nghĩa lớn trong quá trình thực thi pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của người dân trước pháp luật. Công tác trợ giúp pháp lý đã thực sự ngang tầm với các dịch vụ pháp lý hiện nay và là lựa chọn hàng đầu của người dân khi tiếp cận pháp luật trên địa bàn. Hai mươi năm đi cùng dân, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên đã để lại dấu ấn đậm nét trong công tác tư pháp của tỉnh nói riêng và trong hệ thống tổ chức trợ giúp pháp lý toàn quốc nói chung.

Lê An

Trung tâm TGPL nhà nước

Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

** Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật (Điều 2).*

SƠ KẾT 03 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 619/QĐ-TTg



Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(Ảnh: PBGDPL)

Qua 03 năm (2017-2019) triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL), tỉnh Điện Biên đã có 77/130 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Lễ Kết quả đạt được

Thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã ban hành 494 văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL (gồm: 380 kế hoạch, 68 công văn, 46 văn bản khác); triển khai các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế

đôi với những tiêu chí đạt thấp hoặc chưa đạt trong các năm trước; củng cố, kiện toàn tổ chức và duy trì hoạt động của 10 Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện; tổ chức tập huấn, thông tin, tuyên truyền về xây dựng cấp xã đạt chuẩn góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL (tổ chức 02 hội nghị cấp tỉnh, 02 hội nghị cấp huyện cho hơn 600 đại biểu tham dự; biên soạn, in ấn và tổ chức cấp phát 270 cuốn Sổ tay hướng dẫn xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; Biên soạn và in ấn 7.000 tờ gấp pháp luật về thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL để cấp phát cho cơ sở; 100 bộ tài liệu tuyên truyền về Quyết định số 619/QĐ-TTg...).

Kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL: Năm 2017 toàn tỉnh có 62/130 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (chiếm tỷ lệ 47,7%); đến hết năm 2018, có 77/130 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt tỷ lệ 59,2%; tăng 12,5% so với năm 2017), còn lại 53/130 xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trong đó, các huyện có tỉ lệ đạt chuẩn cao như thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay, huyện Điện Biên có tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn từ 90 - 100% và hầu hết

các xã, phường, thị xã đều đạt trên 90 điểm trở lên, bên cạnh đó còn một số huyện tỉ lệ đạt chuẩn còn thấp như huyện Nậm Pồ có 02/15 xã; huyện Tủa Chùa có 03/12 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL còn gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

Thứ nhất, Việc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg tại một số địa phương chưa được thường xuyên, chủ yếu tập trung vào thời điểm đánh giá, chấm điểm các tiêu chí TCPL cuối năm; các hoạt động liên quan đến đánh giá địa phương đạt chuẩn TCPL tại cấp xã còn chậm, còn lúng túng và chưa thực sự khách quan, chưa đánh giá đúng tình hình thực tế của địa phương. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị với UBND cấp xã trong việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL và công tác xây dựng nông thôn mới còn chưa chủ động, thường xuyên; một số nơi chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa công chức chuyên môn với công chức Tư pháp – Hộ tịch trong theo dõi, đánh giá các tiêu chí TCPL; chưa chỉ đạo quyết liệt trong quá trình triển khai thực hiện. Việc bố trí cán bộ, kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu thực hiện lồng ghép với nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và các nguồn khác nên hiệu quả đạt được chưa cao.

Thứ hai, Một số quy định về các tiêu chí TCPL trong các văn bản pháp luật còn chồng chéo, chưa có tính định lượng cụ thể, chưa phù hợp với điều kiện thực tế dẫn đến

khó triển khai thực hiện tại địa bàn cơ sở như: Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP chỉ quy định trường hợp cộng, trừ điểm đối với chỉ tiêu cùng tăng hoặc cùng giảm mà không quy định đối với trường hợp nội dung này tăng, nội dung kia giảm gây khó khăn cho Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật trong việc đánh giá; Quy định sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn TCPL để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới tại Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg; Điều 6 Thông tư 07/2017/TT-BTP chưa hợp lý, vì trên thực tế việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm thường được đánh giá trước thời điểm đánh giá TCPL nên các cơ quan đơn vị, địa phương không kịp lấy kết quả đánh giá TCPL làm cơ sở để đánh giá những nội dung đã nêu;...

Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trên xuất phát từ yếu tố khách quan và chủ quan như: Trình độ dân trí còn hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ; đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, việc tiếp cận thông tin còn hạn chế; chưa có sự quan tâm nhiều đến vấn đề tiếp cận pháp luật; Phạm vi đánh giá đối với các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL rộng, bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đòi hỏi cán bộ, công chức chuyên môn phải nắm chắc tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong cả năm mới có được kết quả đánh giá, chấm điểm các tiêu chí chính xác, khách quan; nguồn kinh phí còn hạn hẹp; Cấp ủy Đảng, chính quyền một số địa phương chưa nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của công tác xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL, do

đó chưa quan tâm chỉ đạo sát sao đối với việc xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL; việc tổ chức triển khai các thiết chế pháp luật còn chủ quan, mang tính hình thức, chưa bám sát yêu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện thuận lợi để người dân TCPL; Chưa có sự phối hợp, gắn kết giữa các ban, ngành để có sự đánh giá một cách toàn diện, đối với công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, một số cơ quan, đơn vị còn coi đây là nhiệm vụ của cơ quan tư pháp. Một số công chức cấp xã còn hạn chế về năng lực, kiêm nhiệm nhiều công việc...

Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2020-2025

Mục tiêu: (1) Đến năm 2025, 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác quán triệt, chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL; (2) 100% công chức cấp huyện và 90% cán bộ, công chức cấp xã tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL trên địa bàn tỉnh được tập huấn, cung cấp tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL, trong đó 70% đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; (3) Phần đầu đạt tỷ lệ 90% người dân được tuyên truyền, phổ biến về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, đảm bảo 100% người dân tham gia thủ tục hành chính được thực hiện việc đánh giá sự hài lòng theo quy định; (4) Đến năm 2025, có 90% xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn TCPL và 100% xã đạt tiêu chí 18.5 trước khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và duy trì kết quả đạt chuẩn TCPL với tỷ lệ đạt các tiêu chí trên 80%.

Nhiệm vụ trọng tâm:

Một là, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Trung ương, của Tỉnh và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh về triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tiễn trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về vị trí, vai trò của nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

Hai là, Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện; hướng dẫn, đôn đốc Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện quy trình đánh giá, chấm

điểm và thẩm định, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Ba là, Tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Huy động các nguồn lực từ xã hội tham gia triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Với những mục tiêu, nhiệm vụ trên và sự quyết tâm nỗ lực của các cấp, các ngành, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong thời gian tới sẽ đạt được nhiều kết quả góp phần thúc đẩy công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Giàng Kía

KẾT QUẢ CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, ĐẠT CHUẨN TCPL GIAI ĐOẠN 2017-2019

- * Thành phố Điện Biên Phủ: 09/09 xã, phường đạt 100%
- * Thị xã Mường Lay: 03/03 xã, phường đạt 100%
- * Huyện Mường Chà: 12/12 xã, thị trấn đạt 100%
- * Huyện Điện Biên: 24/25 xã đạt 96%
- * Huyện Mường Ảng: 08/10 xã, thị trấn đạt 80%
- * Huyện Mường Nhé: 06/11 xã đạt 54,5%
- * Huyện Tuần Giáo: 08/19 xã, thị trấn đạt 42,1%
- * Huyện Tủa Chùa: 03/12 xã, thị trấn đạt 25%
- * Huyện Điện Biên Đông: 02/14 xã, thị trấn đạt 14,3%
- * Huyện Nậm Pồ: 02/15 xã đạt 13,3%.

Phòng Tư pháp Tòa Chùa:

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

Thực hiện Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện Tòa Chùa về tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải cho tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên viên ở cơ sở. Ngày 07/8/2019, Phòng Tư pháp huyện Tòa Chùa phối hợp với UBND xã Sinh Phình tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã. Tới dự Hội nghị có các Đ/c Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND xã.

Hội nghị được nghe báo cáo viên của huyện truyền đạt 03 chuyên đề: chuyên đề pháp luật về dân sự; pháp luật về hòa giải ở cơ sở; pháp luật về hôn nhân và gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nội dung tập huấn tập trung chủ yếu vào các vấn đề liên quan đến công tác hòa giải của địa phương

như phạm vi hòa giải, quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, hướng dẫn cách ghi chép, lưu trữ sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở và một số kiến thức pháp luật có liên quan phục vụ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở. Thông qua hội nghị này giúp các hòa giải viên nắm vững kỹ năng hòa giải các vụ việc, đồng thời học hỏi chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

Đây là hội nghị tập huấn có ý nghĩa quan trọng, góp phần đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và nghiệp vụ hòa giải cho người làm công tác hòa giải ở cơ sở; góp phần quan trọng vào việc giữ gìn tình làng nghĩa xóm, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái giúp đỡ nhau trong cộng đồng dân cư; phòng ngừa và hạn chế vi phạm pháp luật, ổn định trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện./.

Hoàng Lam

Phòng Tư pháp Tòa Chùa



PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ CƠ SỞ

Những năm qua, cơ quan quân sự các cấp đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (DQTV) đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ đổi mới; tổ chức huấn luyện kỹ, chiến thuật bộ binh, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho lực lượng dân quân tự vệ cơ sở.

Thông qua việc tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức trực quan sinh động giúp cho lực lượng dân quân tự vệ thuộc Ban CHQS huyện, thị xã, thành phố quản lý nắm vững các nội dung cơ bản về Luật Dân quân tự vệ; Nghị định 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước CHXHCN Việt Nam; Thông tư số 43/2015/TT-BQP về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị

định 34/2014/NĐ-CP; Luật Biên giới Quốc gia và các nghị định có liên quan đến khu vực biên giới Việt Nam - Lào; kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; Đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta hiện nay và một số nội dung thời sự bổ trợ giáo dục truyền thống bằng hình thức tham quan cụm di tích lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ...

Đây là cơ sở quan trọng để đội ngũ dân quân tự vệ tự giác chấp hành pháp luật, đồng thời hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong đấu tranh phòng chống có hiệu quả chiến lược diễn biến hòa bình của các thế thù địch, chống các hành vi xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn./.

Đức Hạnh



Giáo dục truyền thống lực lượng tự vệ TP ĐBP tại bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ.

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Ngày 13/8/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch số 2363/KH-UBND triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Việc thực hiện Đề án nhằm mục đích tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác triệt để thế mạnh của công nghệ thông tin, cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin về pháp luật, giúp người dân và xã hội sử dụng, khai thác một cách thuận lợi hệ thống thông tin pháp luật được số hóa; kết nối, chia sẻ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật, đảm bảo chính xác, đầy đủ, thiết thực, kịp thời góp phần tạo bước đột phá trong đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu thực hiện Đề án

Thứ nhất, năm 2019 xây dựng, nâng cấp vận hành Trang thông tin Phổ biến, giáo dục pháp luật trên cơ sở xây dựng chuyên trang Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng thông tin điện tử thuộc Văn phòng UBND tỉnh và nâng cấp Trang thông tin điện tử chuyên ngành của Sở Tư pháp; kết nối, chia sẻ, cập nhật đầy đủ thông tin về pháp luật với Trang thông tin điện tử về phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp.

Thứ hai, năm 2020, phân đầu 100% các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện sử dụng Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh (qua Cổng thông tin điện tử thuộc Văn phòng UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử chuyên ngành của Sở Tư pháp) để kết nối, chia sẻ với Trang thông tin điện tử của ngành, địa phương nhằm cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin về pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Thứ ba, năm 2021, hoàn thành việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về phổ biến, giáo dục pháp luật, Tủ sách pháp luật điện tử theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp; gia tăng sự tương tác, trao đổi, chia sẻ thông tin đa chiều giữa cơ quan Nhà nước với người dân, doanh nghiệp qua hình thức đối thoại trực tuyến, các hình thức phổ biến pháp luật phù hợp khác; huy động rộng rãi mạng viễn thông, mạng xã hội tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Nội dung thực hiện Đề án tập trung vào những nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng chuyên trang Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh quản lý và Trang thông tin điện tử chuyên ngành của Sở Tư pháp; kết nối, chia sẻ với Cổng thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp;

Hai là, xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả các chuyên mục Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương để phổ biến, giới thiệu các văn bản pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực ngành, địa phương quản lý; thông tin về kết quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Ba là, xây dựng các chương trình, sản phẩm, tài liệu, ấn phẩm phổ biến, giáo dục pháp luật để đăng tải trên Cổng/Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật: Các tài liệu, ấn phẩm phổ biến, giáo dục pháp luật; Đề cương giới thiệu văn bản pháp luật mới; sách, cẩm nang, tờ gấp, câu chuyện pháp luật; tiểu phẩm pháp luật, video, các bài giảng điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật; các tài liệu, chương trình, sản phẩm khác... phù hợp và đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

Bốn là, thực hiện việc xây dựng, khai thác, sử dụng Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp về triển khai thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Năm là, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác trên mạng xã hội, các diễn đàn trực tuyến, mạng viễn thông, sóng phát thanh, truyền hình, mạng lưới thông tin cơ sở.

Sáu là, rà soát, đề xuất bổ sung, nâng cấp trang thiết bị (máy tính, đường truyền) bảo đảm đáp ứng yêu cầu xây dựng, vận hành chuyên trang Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh quản lý và Trang thông tin điện tử chuyên ngành của Sở Tư pháp; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để xây dựng và vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bảy là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học cho đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Chuẩn hóa nội dung chương trình, tài liệu; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; tăng cường tổ chức bồi dưỡng, tập huấn bằng hình thức trực tuyến trên môi trường mạng.

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên, UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

MỘT SỐ HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC ĐÒI HỎI CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT ĐIỆN ẢNH

Luật Điện ảnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2009 đã đánh dấu một bước quan trọng trong hệ thống pháp luật về lĩnh vực nghệ thuật tổng hợp, là cơ sở pháp lý cao nhất thể chế hóa quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước đối với sự



ngành phát triển Điện ảnh Việt Nam theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển và hội nhập của Điện ảnh nước nhà và nguyện vọng của các nghệ sỹ cũng như những người làm công tác Điện ảnh.

Sau 12 năm triển khai, thực hiện, Luật Điện ảnh đã có nhiều tác động tích cực và hiệu quả đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước và sự phát triển của Ngành Điện ảnh. Song vẫn còn bộ lộ một số tồn tại, hạn chế, đặc biệt là về tính khả thi, việc cụ thể hóa các văn bản dưới Luật chưa theo kịp sự phát triển xã hội và đời sống thực tiễn của nhân dân đòi hỏi Luật cần được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. Cụ thể:

1. Một số chính sách quy định trong Luật Điện ảnh còn bất cập, xa rời thực tiễn, đặc biệt là chính sách đặc thù cho các đội chiếu phim lưu động ở các vùng sâu, vùng xa, vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như: Chế độ công tác phí, phương tiện cá nhân vận chuyển thiết bị chiếu phim, phụ cấp đặc thù, biên chế mỗi đội, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho việc chiếu phim, khiến các địa phương lúng túng, không có căn cứ để xây dựng bảo vệ biên chế và kinh phí, không thu hút được CBVC yên tâm công tác ở những vùng khó khăn.

Thực hiện Nghị quyết số 16 của BCH Trung ương về sắp xếp bộ máy tổ chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Song cho đến nay vẫn chưa có hướng dẫn của Bộ VH&TT&DL, việc kiện toàn các đơn vị sự nghiệp ở các tỉnh chưa có sự thống nhất về tên gọi, mô hình tổ chức, phương thức hoạt động. Cần có sự thống nhất toàn quốc về mô hình tổ chức của các đơn vị Điện ảnh ở địa phương.

2. Việc cung cấp phim, tư liệu cho địa phương còn ít, nội dung mang tính phổ quát chung, chưa tính đến yếu tố văn hóa, vùng miền nên hiệu quả chưa cao; một số địa phương thiết bị lạc hậu, không tương thích, không sử dụng được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Chính sách tài trợ cho việc sản xuất phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu vùng xa, thiếu nhi, phục vụ nhiệm vụ chính trị chưa tương xứng, thiếu nguồn kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất nên tư liệu phim cho hoạt động chiếu phim lưu động cũng như tại Rạp còn nghèo nàn, cũ, đơn điệu, chưa thu hút được khán giả.

4. Thông tư hướng dẫn về đặt hàng sản xuất phim có hỗ trợ kinh phí của Nhà nước còn chung chung, không quy định cụ thể việc sản xuất phim phóng sự tài liệu do các Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng các tỉnh sản xuất. Không có Thông tư liên bộ để làm căn cứ cấp và hướng dẫn sử dụng kinh phí nên mặc dù đã được quy định trong Luật Điện ảnh song việc đảm bảo kinh phí sản xuất phim phóng sự tài liệu do các Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng các tỉnh vẫn chưa được thực hiện trên thực tiễn.

5. Thông tư quy định về hoạt động của Hội đồng thẩm định dự án phim sử dụng ngân sách Nhà nước đến nay chưa ban hành nên gây khó khăn cho các địa phương trong quá trình thực hiện dự án sản xuất phim. Quy định đối với các dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước phát sinh ngoài Kế hoạch phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ là rất khó thực hiện...

6. Việc thẩm định, cấp giấy phép phổ biến phim phóng sự tài liệu tại địa phương cũng gặp nhiều khó khăn do Luật Điện ảnh quy định chưa cụ thể, chi tiết. Ngoài việc đòi hỏi các thành viên tham gia Hội đồng phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực, hiểu biết về lĩnh vực đó thì cần phải có thêm các chuyên gia về các lĩnh vực chuyên ngành, do đó rất khó khăn trong việc thu hút, hợp tác sản xuất phim ở địa phương. Nên phân cấp cụ thể theo các tiêu chí về tổng mức đầu tư dự án, về cơ sở điện ảnh sản xuất phim.

Theo quy định tại Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ được cấp phép đối với các bộ phim do cơ sở điện ảnh trong tỉnh sản xuất; chưa quy định cụ thể đối với trường hợp phim do cơ quan nhà nước trong tỉnh làm chủ đầu tư thực hiện đặt hàng, phối hợp với cơ sở điện ảnh ngoài tỉnh sản xuất.

7. Quy định cho phép một công ty thực hiện đồng thời hai chức năng vừa phát hành, vừa phổ biến phim, một số tỉnh có rạp chiếu phim vận dụng trong việc liên doanh, liên kết, cổ phần với nhiều hình thức như: Thuê lại toàn bộ rạp, góp thiết bị chiếu phim, thuê máy chiếu... với các công ty nhập khẩu phim, dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, nhưng đáng lo ngại nhất là chi phối thị trường, độc quyền sử dụng Rạp, không có chỗ đứng cho thị trường phim Việt và làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc Việt.

8. Chính phủ cần tiếp tục đầu tư theo chương trình mục tiêu quốc gia cho Điện ảnh, nhất là đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, thiết bị cho điện ảnh một số địa phương có điều kiện khó khăn, đúng hướng phù hợp với từng vùng miền.

Những khó khăn bất cập trên, hy vọng sẽ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kịp thời trong Luật Điện ảnh và các văn bản dưới Luật, để Luật Điện ảnh phát huy giá trị, nhanh chóng đi vào cuộc sống góp phần thúc đẩy ngành Điện ảnh phát triển và hội nhập./.

Bài & ảnh: Dương Thanh

QUY ĐỊNH VỀ MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ LỆ PHÍ CẤP CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Ngày 30/8/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 59/2019/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân có hiệu lực từ ngày 16/10/2019. Theo đó, Thông tư đã quy định chi tiết một số nội dung sau:

Về đối tượng áp dụng: Thông tư áp dụng đối với người nộp lệ phí là công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân. Tổ chức thu lệ phí cấp Căn cước công dân gồm: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an); Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị hành chính tương đương.

Mức lệ phí cấp Căn cước công dân:

Trường hợp thứ nhất, công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân là 30.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.

Trường hợp thứ hai, đổi thẻ Căn cước công dân khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhận dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông tin trên thẻ; khi công dân có yêu cầu là 50.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.



(Ảnh minh họa, nguồn Internet).

Trường hợp thứ ba, cấp lại thẻ Căn cước công dân khi bị mất thẻ, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam là 70.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.

Các trường hợp miễn, không phải nộp lệ phí cấp Căn cước công dân

Miễn lệ phí cấp Căn cước công dân đối với các trường hợp: (a) Đổi thẻ căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính; (b) Đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

(Xem tiếp trang 29)

MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT BAN HÀNH TRONG QUÝ III/2019



(Ảnh minh họa)

Trong quý III/2019, nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực Bảo hiểm; cán bộ công chức, viên chức; doanh nghiệp; tài nguyên - môi trường... đã được các Bộ, ngành ban hành và sắp có hiệu lực. Sau đây là tóm tắt nội dung cơ bản của một số văn bản pháp luật theo lĩnh vực:

BẢO HIỂM

Hướng dẫn mới nhất về Tội gian lận, trốn đóng bảo hiểm

Để thống nhất trong việc định tội và xét xử các vụ án liên quan đến bảo hiểm, ngày 15/8/2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐTP về việc Hướng dẫn áp dụng điều 214 về Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, điều 215 về Tội gian lận bảo hiểm y tế và điều 216 về Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của Bộ Luật hình sự 2015. Theo đó, Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn chi tiết một số thuật ngữ được quy định tại các điều 214, 215 và 216 Bộ luật hình sự cụ thể như sau:

- *Lập hồ sơ giả*: Là hành vi lập hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp có giấy tờ, tài liệu giả (không có thật, không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng thời hạn...) để thanh toán các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hỗ trợ học nghề; hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng để duy trì việc làm cho người lao động và chế độ khác theo quy định của pháp luật.

- *Lập hồ sơ bệnh án không*: Là trường hợp không có việc khám bệnh, chữa bệnh hoặc có việc khám bệnh, chữa bệnh của người tham gia bảo hiểm y tế nhưng không phải điều trị mà vẫn lập hồ sơ bệnh án.

- *Giả mạo hồ sơ, thẻ bảo hiểm y tế*: Là hành vi lập, sử dụng hồ sơ, thẻ bảo hiểm y tế không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giả mạo hồ sơ, thẻ bảo hiểm y tế của người khác để hưởng chế độ bảo hiểm y tế trái quy định.

- *Trốn đóng bảo hiểm*: Là hành vi của người sử dụng lao động có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

- *Dùng thủ đoạn xảo quyệt*: Là việc người phạm tội sử dụng công nghệ cao, móc nối với người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan Nhà nước hoặc thủ đoạn gian dối, mách khốe khác để tiêu hủy chứng cứ, che giấu hành vi phạm tội, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm.

Ngoài ra, Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐTP còn hướng dẫn chi tiết việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể liên quan đến hành vi vi phạm về bảo hiểm; Xử lý hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/9/2019.

CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Hướng dẫn xếp lương các ngạch công chức chuyên ngành văn thư

Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư 10/2019/TT-BNV ngày 02/8/2019 hướng dẫn việc xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành văn thư, Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/9/2019.

Theo đó, các ngạch công chức chuyên ngành văn thư quy định tại Thông tư 14/2014/TT-BNV được áp dụng Bảng 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể:

Thứ nhất, ngạch văn thư chính (mã số 02.006) áp dụng bảng lương công chức loại A2 (nhóm 1).

Thứ hai, ngạch văn thư (mã số 02.007) áp dụng bảng lương công chức loại A1.

Thứ ba, ngạch văn thư trung cấp (mã số 02.008) áp dụng bảng lương công chức loại B.

Trong trường hợp công chức được tuyển dụng vào vị trí việc làm có yêu cầu ngạch công chức tương ứng là ngạch văn thư trung cấp nhưng có trình độ cao đẳng trở lên thì bổ nhiệm vào ngạch văn thư trung cấp và áp dụng bảng lương của công chức loại B.

Thông tư này cũng quy định việc chuyển xếp lương đối với công chức đang làm công tác văn thư từ các ngạch công chức chuyên ngành văn thư hiện giữ hoặc các ngạch công chức khác sang ngạch công chức chuyên ngành văn thư.

2. Tăng 7,19% trợ cấp hàng tháng của quân nhân, người làm công tác cơ yếu

Ngày 24/7/2019, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư 106/2019/TT-BQP về việc hướng dẫn điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Theo đó, tăng 7,19% trên mức trợ cấp hàng tháng của tháng 6 đối với các đối tượng: Quân nhân đã phục viên, xuất ngũ đang hưởng chế độ trợ cấp tháng theo quy định tại Quyết định 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định 38/2010/QĐ-TTg; quân nhân hoặc người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Quyết định 62/2011/QĐ-TTg.

Cụ thể, mức trợ cấp sau khi được đối với các đối tượng trên như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm: 1,891 triệu đồng/tháng.
- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm: 1,977 triệu đồng/tháng.
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm: 2,064 triệu đồng/tháng.
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm: 2,150 triệu đồng/tháng.
- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm: 2,235 triệu đồng/tháng.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 08/9/2019.

3. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp hệ số lương cao nhất đến 8,0

Ngày 12/8/2019, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 12/2019/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Cụ thể, viên chức được bổ nhiệm làm giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I), mã số: V.09.02.01, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3 nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00; Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II), mã số: V.09.02.02, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III), mã số: V.09.02.03, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98; Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III), mã số: V.09.02.04, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

Viên chức được bổ nhiệm làm giáo viên giáo dục nghề nghiệp hệ số lương từ 1,86 đến hệ số lương 7,55 tùy từng hạng cụ thể.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 26/9/2019.

DOANH NGHIỆP

1. Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo khởi sự kinh doanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo đó, ngân sách Nhà nước hỗ trợ tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đối với các khoản chi phí chiêu sinh; chi phí cho giảng viên, báo cáo viên; chi in ấn, photo, mua tài liệu học tập theo nội dung chương trình khóa đào tạo cho học viên (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi thuê hội trường, phòng học, máy chiếu, thiết bị phục vụ học tập; chi nước uống, giải khát giữa giờ; văn phòng phẩm...

Cụ thể, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định 39/2018/NĐ-CP trong tổng chi phí tổ chức một khóa đào tạo khởi sự kinh doanh tối đa là 100%, quản trị doanh nghiệp cơ bản tối đa là 70% và quản trị doanh nghiệp chuyên sâu là 50%.

Trong đó, đối với các nội dung chỉ có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức như chi khen thưởng học viên; chi ra đề thi, coi thi, chấm thi; công tác phí;... phải thực hiện theo đúng chế độ quy định. Riêng giảng viên, báo cáo viên nước ngoài, việc xác định số tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ thù lao giảng dạy, chi phí đi lại, ăn, ở áp dụng như đối với giảng viên, báo cáo viên trong nước.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 23/9/2019.

2. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp là 50.000 đồng/lần

Ngày 05/8/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 47/2019/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Theo đó, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (bao gồm: Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp) là 50.000 đồng/lần.

Lệ phí cung cấp thông tin doanh nghiệp cụ thể như sau: Cung cấp thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh 20.000 đồng/bản; Cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, cung cấp báo cáo tài chính các loại doanh nghiệp 40.000 đồng/bản; Cung cấp báo cáo tổng hợp về doanh nghiệp 150.000 đồng/báo cáo; Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/9/2019.

Giàng Tăng (sưu tầm)

Phòng Tư pháp huyện Nậm Pồ

QUY ĐỊNH VỀ MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP...

(Tiếp theo trang 24)

công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật; (c) Đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

Các trường hợp không phải nộp lệ phí gồm: (a) Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 32 Luật căn cước công dân; (b) Đổi thẻ căn cước công dân theo quy định tại Điều 21 và điểm a khoản 3 Điều 32 Luật căn cước công dân; (c) Đổi thẻ căn cước công dân khi có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân do lỗi của cơ quan quản lý căn cước công dân.

Về quản lý lệ phí: Tổ chức thu nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Nguồn chi phí trang trải cho việc sản xuất, quản lý, cấp mới, đổi, cấp lại thẻ Căn

cước công dân và thu lệ phí cấp Căn cước công dân do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Cơ quan thực hiện sản xuất, quản lý, cấp mới, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân và thu lệ phí cấp Căn cước công dân có trách nhiệm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

Ngoài việc hướng dẫn Luật Căn cước công dân 2014, Thông tư này còn làm hết hiệu lực Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân và Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016.

PBGDPL

PHONG CÁCH QUẦN CHÚNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chuyện kể rằng, hội trường Đảng Nguyễn Ái Quốc còn ở căn cứ kháng chiến Việt Bắc, một lần Bác Hồ đến dự lễ bế giảng của trường. Xuống thăm nhà bếp, Bác thấy làm cỗ có vẻ linh đình, Bác nói với đồng chí phụ trách trường: “Này, bé mạc, chứ không phải “bé bụng” đâu nhé! Kháng chiến còn khó khăn lắm đây, các chú ạ”.

Đến bữa ăn, thấy mâm cơm chỉ có một bát, một đôi đũa, Bác hỏi: “Thế Bác ăn với ai?”. Đồng chí phụ trách gãi đầu gãi tai: “Dạ, xin để Bác ăn riêng cho tiện...”.

Bác ngắt lời: “Không tiện gì cả. Thế ra các chú muốn cho Bác ăn trên ngai chóc à?”. Và Bác đòi phải bê các món ăn của cán bộ, nhân viên nhà trường lên cho Bác xem, rồi Bác bảo kê thêm bàn ghế cho mọi người cùng ăn với Bác. Bố trí xong xuôi cả rồi, Bác mới vui vẻ, bảo mọi người: Ngồi cả vào đây, ăn chung với Bác, ăn một mình thì Bát căn sao được?

(Nguồn: Tuần báo văn nghệ TP. Hồ Chí Minh)



Khi Bác lên nói chuyện với các học viên, đồng chí phụ trách trường giới thiệu: “Bác Hồ sẽ huấn thị cho chúng ta”. Bác cười mà bảo rằng: “Tôi nói chuyện với các đồng chí thôi, chứ có “huấn thị” gì đâu”. Buổi tối, Bác ở lại trường để làm việc. Các đồng chí mang đến cho Bác chiếc đèn tọa đăng rất sáng. Khoảng 9-10h tối, Bác cầm đèn đó xuống văn phòng trường và bảo rằng: “Đèn này to, tốn dầu lắm! Bác còn làm việc khuya, một chiếc đèn con thôi cũng đủ. Các đồng chí đổi cho Bác chiếc đèn khác”.

Sáng sớm hôm sau, trước khi Bác chia tay trường, đồng chí phụ trách hỏi Bác có điều gì cần dặn thêm về công việc của trường.

Người nói: “Tôi chỉ mong các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá mà phải quan tâm đến mọi người hơn”.

(Theo cuốn: Bác Hồ với chiến sỹ)

Câu chuyện ngắn gọn, nhưng hàm súc ý nghĩa to lớn về hình ảnh một vị Chủ tịch nước giản dị, tiết kiệm. Người không bao giờ cho phép mình lãng phí dù chỉ một bữa ăn, hay một cây đèn dầu, tự hạn chế mình không ham mê vật chất, nhưng lại luôn quan tâm lo lắng cho dân, cho nước từ những điều nhỏ nhất như bát cơm, manh áo... suốt đời tâm niệm là công bộc của dân, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, luôn hòa mình vào cuộc sống chung của đồng bào, đồng chí, mà không nhận bất cứ một sự ưu tiên nào người khác dành cho mình.

Hình ảnh Người vui vẻ cùng cán bộ, nhân viên nhà trường bên bàn ăn cho ta thấy một nhân cách hòa đồng, gần gũi, một trái tim nhân hậu, một tình thương vô bờ bến chỉ có ở người lãnh tụ cách mạng, một vĩ nhân. Sự bao dung bình dị, tình cảm yêu thương chân thành của Bác đã xóa đi khoảng cách giữa người lãnh tụ và quần chúng nhân dân.

Bác không đặt mình vào địa vị Chủ tịch nước hay một vị lãnh tụ cấp cao, không “quan liêu, hách dịch” như chúng ta thường gặp đâu đó trong xã hội, mà với mọi người, Bác thật gần gũi, thân thương nhường nào.



(Nguồn: www.doanthanhvien.vn)

Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

“Người là Cha, là Bác, là Anh;

Quả tim lớn, lọc trăm dòng máu đỏ”.

Câu chuyện kết thúc bằng một lời nhắc nhở nhẹ nhàng nhưng thật thấm thía, xúc động: “Tôi chỉ mong các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá, mà phải quan tâm đến mọi người hơn”. Những lời dạy của Bác không cao xa mà vô cùng giản dị - giản dị như chính cuộc đời của Người vậy. Và chính nhân cách của Người, đạo đức của Người, cuộc đời của Người đã khắc sâu vào tiềm thức người dân Việt Nam.

Đạo Phật có một câu kinh: “*Hương của các loài hoa không bay ngược chiều gió. Hương của người đức hạnh bay ngược khắp muôn phương*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người như vậy.

Vũ Quyên

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH PHIM VÀ CHIẾU BÓNG TỈNH ĐIỆN BIÊN - THÊM NGUỒN TƯ LIỆU PHIM ĐỂ KHAI THÁC PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Có đủ nguồn tư liệu, phim hay, phong phú về thể loại, hấp dẫn về nội dung để thu hút khán giả, cung cấp cho các đội chiếu bóng lưu động phục vụ cán bộ, chiến sỹ, học sinh, sinh viên, bà con nhân dân các dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới... là một trong những khó khăn thách thức đối với hoạt động của Điện ảnh trên địa bàn tỉnh.

Ngày 26/6/2019, Hội Điện ảnh Việt Nam với sự giúp đỡ của Đạo diễn NSUT Trần Vịnh đã tặng Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng tỉnh Điện Biên 302 đầu phim, trong đó có rất nhiều phim về đề tài chiến tranh, về Điện Biên Phủ, phim lịch sử, giải trí... Mà NSUT Trần Vịnh tham gia với vai trò là diễn viên, đạo diễn, đạt được nhiều giải thưởng liên hoan phim trong nước, quốc tế và được khán giả qua nhiều thế hệ hâm mộ. Cùng với việc tăng cường sản xuất, biên tập, trao đổi tư liệu với Điện ảnh các tỉnh thì đây là nguồn tư liệu lớn, vô cùng quý báu, có giá trị, ý nghĩa nhân văn sâu sắc, những câu chuyện giờ mới kể trong công cuộc xây



dựng và bảo vệ đất nước, nhất là trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, để đơn vị khai thác, phục vụ Nhân dân và chắc chắn sẽ thu hút cán bộ chiến sỹ, học sinh, sinh viên, bà con nhân dân vùng cao, vùng sâu, biên giới, dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đón xem.

Sự hỗ trợ của Hội Điện ảnh Việt Nam đã giúp Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng tỉnh Điện Biên có thêm nguồn tư liệu phim để khai thác, phục vụ Nhân dân. Trong thời gian tới, Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng tỉnh sẽ sớm khai thác, sử dụng số phim trên để chiếu phục vụ khán giả, những người yêu thích môn nghệ thuật thứ 7 và toàn thể Nhân dân.

Bài & ảnh: **DƯƠNG THANH**

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

VẤN ĐỀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ Ô TÔ, Ô TÔ, XE GẮN MÁYThiếu tướng **Sùng A Hồng***Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên*

Điện Biên là tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Tổ quốc, có đường biên giới tiếp giáp hai nước: CHDCND Lào và Trung Quốc dài hơn 455 km; có đường giao thông đi các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Tỉnh Điện Biên có 10 đơn vị hành chính cấp huyện với 130 xã, phường, thị trấn (trong số đó có 29 xã biên giới); dân số gần 60 vạn người, gồm 19 dân tộc anh em sinh sống. Địa hình chia cắt, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn; trình độ dân trí không đồng đều, đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, thiếu thốn... ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung, công tác quản lý Nhà nước về trật tự, an toàn xã hội nói riêng.

Những năm qua, kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đã có những bước phát triển tích cực, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, người dân ngày càng có điều kiện mua sắm đáp ứng các nhu cầu về ăn ở, sinh hoạt, đi lại... trong đó phương tiện phục vụ đi lại, vận chuyển hàng hóa, sản xuất kinh doanh là nhu cầu lớn. Theo thống kê về quản lý các phương tiện của Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh, tính đến ngày 16/6/2019 toàn tỉnh Điện Biên có 10.997 xe ô tô; 278.521 xe mô tô, xe máy. Thực tế từ thập kỷ 80, 90

của thế kỷ trước, xe mô tô, xe gắn máy đã có trên địa bàn tỉnh nhưng số lượng không nhiều. Theo xu thế phát triển, số lượng xe mô tô, xe gắn máy cũng ngày càng tăng, tương ứng với đó là công tác quản lý phương tiện theo từng giai đoạn, cơ quan chức năng tỉnh Điện Biên đã thực hiện cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy theo đúng quy định, hướng dẫn của cấp trên, gồm các loại biển số 3 số, 4 số và hiện nay là 5 số. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Điện Biên cũng chuyển từ quản lý phương tiện thủ công trên sổ sách sang hình thức quản lý điện tử, bám biển số ngẫu nhiên. Tuy nhiên, hiện nay công tác quản lý đối với các loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy cũ không còn sử dụng trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn. Từ khảo sát cho đến thống kê của các đơn vị chức năng, đến nay trên địa bàn tỉnh Điện Biên không còn xe máy biển 3 số hoạt động do thời gian sử dụng lâu, cũ nát, hỏng hóc, mất mát, thất lạc; chỉ còn xe đóng biển 4 số và 5 số. Qua kiểm tra thực tế trên địa bàn tỉnh Điện Biên, số lượng những xe máy, xe gắn máy đời cũ (loại xe biển 3 số) không còn hoạt động do được mua bán, luân chuyển qua nhiều đời chủ, đưa đi sử dụng tại các địa phương khác trong nước hoặc do cũ nát nên được bán cho



(Ảnh minh họa)

các cửa hàng thu mua phế liệu, sắt vụn. Do đó, số lượng xe mô tô, xe gắn máy thực tế còn hoạt động không còn đúng như trên sổ sách quản lý của đơn vị chức năng. Do các quy định về quản lý chưa rõ ràng, cụ thể, tính khả thi chưa cao; những ràng buộc pháp lý mới thể hiện ở “đầu vào” mà chưa có quy định quản lý cuối cùng, chẳng hạn khi thanh lý, bán phương tiện cũ cho cửa hàng thu mua phế liệu, sắt vụn... nên cơ quan chức năng chưa thể làm thủ tục thu hồi biển số xe của những phương tiện này. Một khó khăn khác là trong trường hợp chủ xe đăng ký “chính chủ” ban đầu bán xe cho người khác, nhiều chủ xe mới lại không ở địa bàn quản lý nên cơ quan chức năng có gửi thông báo nộp lại biển số thì cũng không tới được chủ xe mới vì không biết hiện tại họ ở đâu.

Tại Điều 4, Nghị định 95/2009/NĐ-CP, ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định về niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở người, ô tô chở hàng, quy định rõ: Không quá 25

năm đối với xe ô tô chở hàng; không quá 20 năm đối với xe ô tô chở người. Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT, ngày 10/8/2010 của Bộ giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định 95/2009/NĐ-CP cũng quy định cụ thể đối với xe ô tô cải tạo, ô tô chuyên đổi công năng sử dụng, gồm: Ô tô chở người quá niên hạn sử dụng được chuyển đổi thành ô tô chở hàng và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng là không quá 25 năm; ô tô chở người từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái), ô tô chở người chuyên dùng chuyển đổi thành ô tô chở người dưới 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái) và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở người là không quá 20 năm; ô tô chở hàng chuyên đổi thành ô tô chuyên dùng và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng là không quá 25 năm; ô tô chuyên dùng, ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái) chuyển đổi thành ô tô chở hàng phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng là không quá 25 năm; ô tô chở hàng đã chuyển đổi

thành ô tô chở người trước ngày 1/1/2002 và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở người chuyên đổi công năng là không quá 17 năm. Thế nhưng, đối với xe mô tô, xe máy hiện nay chưa có quy định rõ ràng nào về niên hạn sử dụng. Điều này gây khó khăn trong công tác quản lý đối với loại phương tiện này. Nhất là công tác quản lý, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe. Đây cũng là nguyên nhân cơ quan chức năng tỉnh Điện Biên không nắm được cụ thể số lượng xe mô tô, xe máy cũ, bán thanh lý; số lượng giấy tờ, biển số thu hồi rất nhỏ, còn số lượng lớn không thể kiểm soát đang trôi nổi ở đâu. Bởi nhiều xe được bán qua nhiều đời chủ nên việc xác minh không dễ, khó khăn trong việc thông báo; cùng với đó tinh thần tự giác của chủ phương tiện chưa cao.

Theo Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ, đến ngày 1/1/2018, mô tô, xe gắn máy, ô tô các loại hết thời hạn sử dụng sẽ bị tịch thu. Nhưng như đã trình bày ở trên, việc thu hồi giấy tờ xe, biển số xe đã khó, thu hồi phương tiện còn khó hơn. Bởi phương tiện (xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy) là tài sản thuộc sở hữu của người dân, người dân được quyền sử dụng tài sản cho bất kỳ mục đích nào không trái quy định pháp luật. Ví dụ: Để trưng bày, làm kỷ niệm, tái sử dụng các bộ phận còn sử dụng được để chế tạo thành các công cụ khác hoặc bán sắt vụn... đều là quyền của người dân. Trong khi đó, đến nay Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg vẫn chưa có hướng thực hiện cụ thể vì chưa có quy

định về niên hạn sử dụng xe mô tô, xe máy. Từ ngày 1/1/2017, Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký xe có hiệu lực thi hành. Trong đó có quy định về giải quyết đăng ký xe đối với trường hợp xe đã đăng ký, chuyển nhượng qua nhiều người. Theo đó, thủ tục và thời gian đều được rút gọn hơn: Các trường hợp cấp mới, hoặc đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe; cấp hồ sơ sang tên, di chuyển xe; cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe có thể được hoàn thành trong không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp người dân muốn đăng ký sang tên xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều người, thời gian sẽ tùy theo trường hợp đăng ký sang tên xe trong cùng tỉnh, thành phố hay sang tên di chuyển xe từ tỉnh này đi tỉnh khác, nhanh nhất là 2 ngày và nhiều nhất là 30 ngày. Nghị định 46/2016/NĐ-CP, ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt cũng có quy định về mức xử phạt đối với hành vi không làm thủ tục đăng ký sang tên phương tiện khi mua, được cho, được tặng, được phân bổ, được điều chuyển, được thừa kế tài sản của tổ chức, cá nhân.

Từ thực trạng trên, Công an tỉnh Điện Biên đưa ra một số giải pháp cụ thể như sau: *Thứ nhất*, đối với xe mô tô, xe gắn máy chưa có quy định niên hạn sử dụng, chưa có quy định ràng buộc pháp lý cuối cùng đối với chủ sử dụng xe. Ví dụ khi xe cũ mang hủy, bán sắt vụn hoặc chuyển sang mục đích khác thì chủ xe phải có trách nhiệm khai báo như

DIỄN ĐÀN

thế nào, khai báo với ai? Do đó, giải pháp trước mắt là chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông phân công cán bộ chiến sĩ đến các điểm thu mua phế liệu, sắt vụn trên địa bàn để thu gom biển số xe mang về thực hiện hủy theo quy định. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng khác tuyên truyền, vận động người dân khi bán thanh lý sắt vụn xe máy cũ, xe không sử dụng, tận dụng để chuyển đổi mục đích sử dụng... thì nộp lại biển số xe cho cơ quan Cảnh sát giao thông;

Thứ hai, Cần có những quy định cụ thể ràng buộc chủ phương tiện, buộc họ phải có trách nhiệm pháp lý đối với giấy đăng ký và biển số xe khi không sử dụng phương tiện chính chủ;

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông về quy định của pháp luật và chế tài xử phạt; thứ tư, Đăng kiểm định kỳ đối với mô tô, xe gắn máy như kiểm định xe ô tô và quản lý phương tiện ô tô, mô tô, xe gắn máy theo người, nghĩa là biển số xe gắn với chủ phương tiện không thay đổi khi mua bán, trao đổi v.v... Tuy nhiên, việc chủ phương tiện xe mô tô, xe gắn máy thực hiện thủ tục đăng ký sang tên khi mua bán trên địa bàn còn rất khiêm tốn. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, nhất là đối với trường hợp cần thu hồi giấy đăng ký, biển số xe./

Trợ giúp pháp lý cho người dân (Ảnh: TGPL)

Trợ giúp pháp lý vùng biên

Mường Nhé Điện Biên miền đất thiêng
An ninh chính trị đặt lên đầu
Toàn Đảng toàn quân và toàn dân
Cùng nhau đoàn kết chung trí tuệ

Giữ vững biên cương Việt - Lào - Trung
Trợ giúp pháp lý dưới cờ Đảng
Hoa nở biên thùy dân an lạc
Đoàn kết thành công đại thành công./

Lý A Chía



*Trợ giúp pháp lý cho người dân
(Ảnh: TGPL)*